TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 12 – 2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đàm Thanh Vũ**

Ông **Võ Văn Thỏ**

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Bùi Thúy N, sinh năm 1986 (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Văn M, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ : ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** **Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Thúy N trình bày như sau:***

Tôi và anh Trần Văn M có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng tôi sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/01/2005 và cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 11/8/2006. Hiện nay cháu T đi học. Đối với Trần Hoàng A đang sống với tôi.

Tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận tài sản chung

Về nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nợ chung

Nay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về con chung: Cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/01/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu. Tôi yêu cầu giao con tên Trần Hoàng A, sinh ngày 11/8/2006 cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng và tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn M vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Văn M.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: bà Bùi Thúy n và ông Trần Văn M là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng bà N cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà N và ông M đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau và đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Sau khi thụ lý Tòa án có thông báo cho các bên để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, động viên các bên thỏa thuận nhưng phía bị đơn ông M không tham dự.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà N và ông M trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thúy N1. Cho bà Bùi Thúy N ly hôn với ông Trần Văn M.

- Về con chung: Quá trình sống chung bà N và ông M có 02 người con chung: Là Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/01/2005 và cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 11/8/2006. Đối với cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/01/2005 hiện nay cháu đã trưởng thành, đủ khả năng nuôi sống bản thân, các đương sự cũng không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con tên Trần Hoàng A, sinh ngày 11/8/2006 của bà N thì thấy rằng bà N đủ điều kiện nuôi con, hiênn tại cháu vẫn phát triển bình thường. Theo nguyện vọng cháu Hoàng A theo sống với mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Trần Hoàng A cho bà Bùi Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông M không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thúy N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011024 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thúy N. Bà Bùi Thúy N được ly hôn với ông Trần Văn M.

2.Về con chung: Đối với cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 29/01/2005 đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Giao cháu cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 11/8/2006 cho bà Bùi Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thúy N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Trần Văn M không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thúy N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011024 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**** Nơi nhận:*** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- *Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;*
- *VKSND thị xã Ngã Năm;*
- *Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Long Bình;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Ngô Thị Mỹ Hạnh